

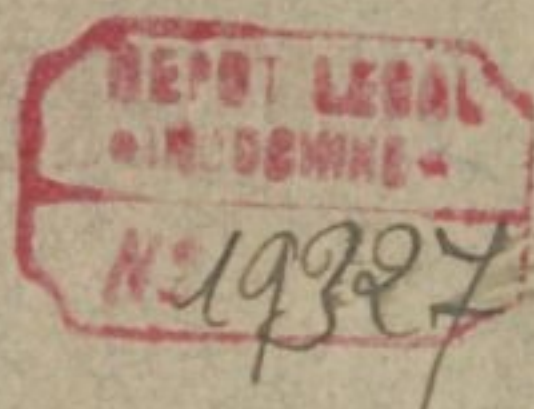
80
INDO-CHINOIS

2074

NGÂN-SƠN TUNG-THƯ



NHUNG NET ĐAN THANH



PHI
HUNG
7



NHÂN ĐẠC-LAP-HUẾ

NGÂN-SƠN TÙNG-THƯ

sẽ xuất bản

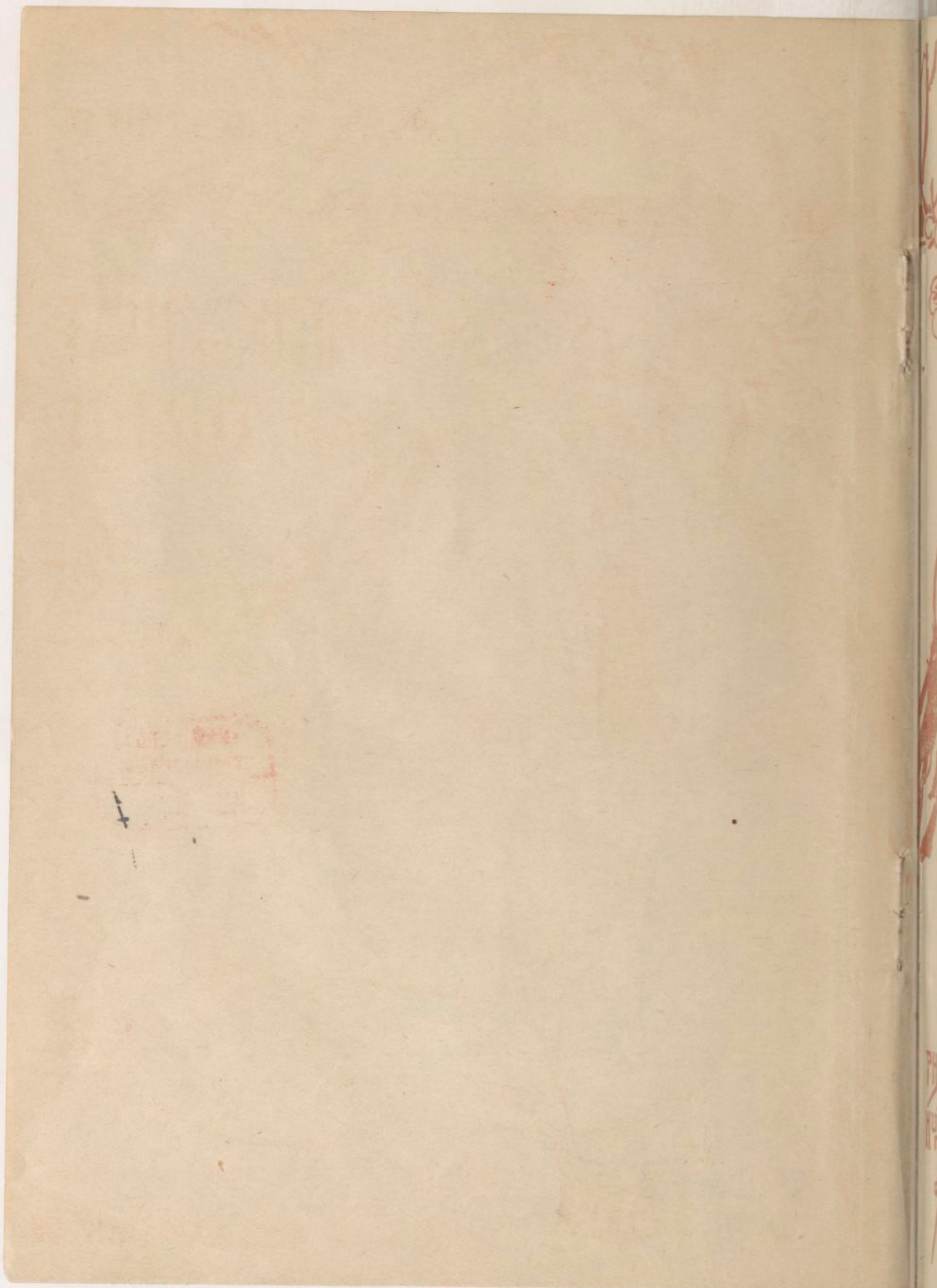
QUYỀN THỨ HAI

TRÊN NÚI VOI

CỦA

LƯU-TRỌNG-LƯ

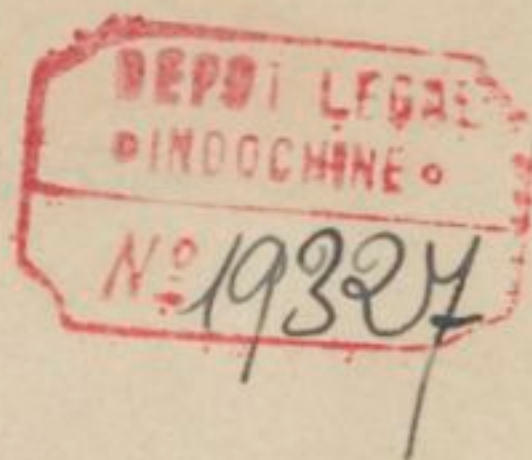
80 Inooch.
2074



NGÂN-SƠN TUNG-THƯ



NHƯNG NET ĐÀN THANH



PHI
HƯNG

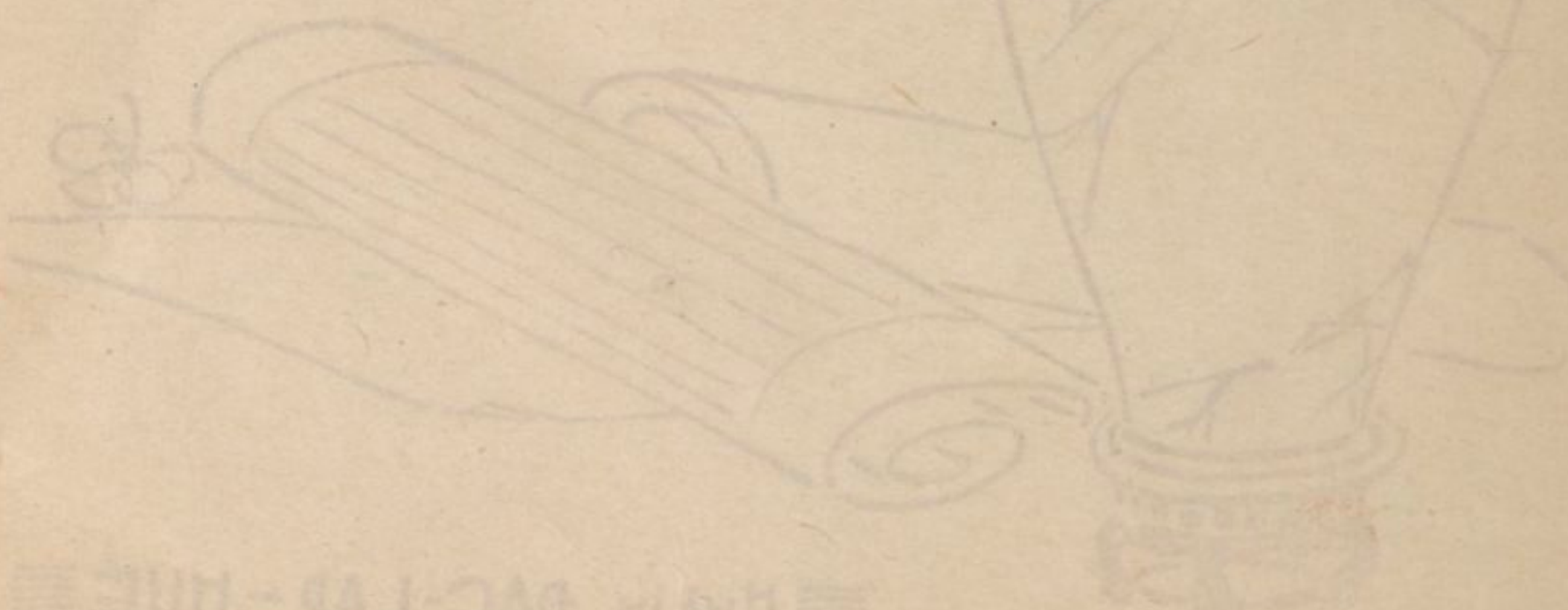
NHÀ IN ĐẠC-LẠP - HUẾ

THU - THU - THU - THU

THU - THU - THU - THU

THU - THU - THU - THU

THU - THU - THU - THU



THU - THU - THU - THU

NHỮNG NÉT ĐAN-THANH (1)

Người viết ra mấy bài thơ này, theo ý-tưởng và tình-cảm hằng ngày mà chép lên trên giấy. Trong mấy bài đó có nhiều ý-tưởng, nhiều tình-cảm trái hẳn nhau, không phải là cố ý, nhưng luồng sóng tư-tưởng thay đổi luôn, cho nên văn-thơ vì thế không được nhứt thể.

Còn cách kết-cấu, người làm văn không thoát khỏi cái triều-lưu văn-chương đương thời; cho nên mới tò-mò đi từ câu sáo-ngữ cũ-rích đến lối văn mới, dạng phô-diễn tình, ý một cách tự-nhiên.

Tác-giả: Th. C.

(1) Của Th. C., một ông bạn của Ngân-sơn tùng-thư. Chúng tôi thấy trong thơ ông, có nhiều điều đặc-sắc, mới lạ, nên đã xin phép ông đưa in ra đây để giới-thiệu cùng độc-giả.

NGÂN-SƠN TÙNG-THƯ

NHỮNG MẶT BAN-THANH

Người viết ra này bài thơ này, theo ý tưởng
và lập-cảm thành ngày nay chép lên trên giấy.
Trong mấy bài do có nhiều ý-tưởng, nhiều tình-
cảm trái hẳn nhau, không phải là có ý, nhưng
luồng sông tư-tưởng thay đổi luôn, cho nên văn-
thơ vì thế không được nhất thể.

Còn cách kết-cảm, người làm văn không thoát
khỏi cái triền-luân văn-chương đương thời; cho
nên mới to-mô đi từ câu sao-ngữ cũ tích đến
lời văn mới, dạng phổ-thiền thành ý mới cách
tu-nhiên.

Tác giả: Th. C.

(1) Còn Th. C., một ông bạn của Ngân-sơn từng-thơ.
Chúng tôi thấy trong thơ ông có nhiều điều đặc-sắc,
mới lạ, nên đã xin phép ông đưa ra đây để giới-thiệu
cộng độc-giả.

NGÂN-SƠN TÙNG-THƠ

Học-trò đi học đã về

Ngày ngày em đi học,
Vui bạn với chị em,
Nô-đùa quên trưa sớm,
Ngày xuân ngày êm đêm.

..
Tan học cùng ra về,
Giắt tay cười hả-hê;
Áo quần xanh, đỏ, tím,
Phấp-phới bên đường lễ.

..
Sông Hương giòng phẳng lặng,
Xanh xanh nước thủy-triều.
Qua sông, đỏ sắn đỏ,
Vui-vẻ biết bao nhiêu!

..
Vui thay! các em bé
Đi đò qua sông Hương,
Mây gởi bay dưới nước,
Nước sông trong tựa gương.

..
Nghiêng đầu xem gương nước
Phản-chiếu nét thanh-xuân,
Ai ngờ bóng dưới nước
Cười nói: « Đẹp muôn phần! »

NHỮNG NÉT ĐÀN-THANH

Mùa hè, giời nông nức,
Các em muốn rửa chân,
Ầy chề! chớ chơi thê,
Sông sâu nguy đến thân!

Các em tuổi còn bẻ,
Ngây-thơ biết gì đâu!
Dưới sông nhiều hiệp-sĩ
Giri xác, khinh công-hầu!

Các em tuổi còn bẻ,
Ngây-thơ biết gì đâu!
Kia kia kẻ yếm thề
Nuôi thân bằng cần câu!

Các em tuổi còn bẻ,
Ngây-thơ biết gì đâu!
Kia kia nhà thi-sĩ
Trên sông ngâm thơ sầu!

Các em nô-đùa đi!
Ngày xuân được mấy khi:
Chốc lát thuyền dền bến,
Đi bộ, cớ vui gì?

Chờ bắt chước chị Tùng
Đi dò chỉ ngồi trông,
Trông mây rồi trông nước,
Trông bèo trôi trên sông.

...

Ô hay! đã đèn bên,
Rộn-rịp các em lên.
Khoan! khoan! vội gì thê?
Xô nhau, ấy không nên!

...

Con đồ quay trở lại,
Cắm sào chờ bên sông,
Giờ chiều lên vùn vụt,
Bên mạn sông bập-bồng.

...

Các em lũ năm bảy,
Vịn vai nhau cùng đi,
Chuyện to rồi chuyện nhỏ,
To nhỏ những chuyện gì?

...

Vui chuyện quên đường xa,
Đèn điện đã sáng lửa.
Đông đúc trước đường phố,
Qua lại những người ta.

~~~~~NHỮNG NÉT ĐÀN-THANH~~~~~

Tản-tác người một ngã,  
Các em về đến nhà;  
Trước cửa còn mong đợi,  
Anh chị với mẹ cha.

\*\*\*

Hôn em, em chăm-chỉ.  
Chăm-chỉ học suốt ngày,  
Cơm canh chờ sẵn đó,  
Mời em lại ăn ngay.

**Lam-thành**

Lam-thành thành cũ dấu còn đây,  
Trải mấy phong-sương mãi đèn rày.  
Đá đỏ chênh-vênh ngồi dưới nắng;  
Thành hoang chát-ngật đứng ngang mây.  
Âm-âm sudi chảy quân gào thét;  
Vi-vút tên reo ền liêng bay.  
Cát bụi tung-bùng mây khói tỏa,  
Ngõ còn chinh-chiến ở đâu đây.

**Tết đi thăm chùa Ngọc-sơn**

Nô nước khăn san với áo mùi,  
Cô nào nét mặt cũng tươi vui,  
Lên chùa lễ Phật cùng cầu Phật,  
Phật thấy môi son, Phật cũng cười!

*Khép-nếp bên tường, tỏ đứng trông.  
Mấy cô tóc mượt, má hây hồng.  
Các cô khăn vải chi chi đỏ?  
Tớ chúc cho cô sớm có chồng,*

...

*Tớ chúc cho cô sớm có chồng,  
Vì rằng Xuân âm, nhưng đèn Đông:  
Mưa phùn, gió bắc. Trong khuê các  
Đêm gấm chấn loan, cũng lạnh lùng.*

### **Nhật-kỷ ngày Tết**

Chiều ba mươi.

*Văn-sĩ ngày xưa hể đèn Tết,  
Làm thơ chỉ khóc rằng mình kiệt;  
Mà cánh học-sinh mình ngày nay,  
Chưa được cùng năm, tiền đã kiệt!*

*Tinh trong bạc « kết » còn một đồng,  
Đưa góp năm hào để trần thiết:  
(Mây cây hoa giấy chợ Đồng-xuân  
Mây bức tranh xuân của chú Chệt).  
Đi chợ mua đồ phở bác Tiệp:  
Mua cam, mua quýt, mua mứt gừng;  
Rượu vang, mực khô, bày la liệt;  
Lại thêm bánh pháo già mấy hào  
Đền tòi, ba mươi nổ đi-đet.*

Anh em phòng mình có sáu tay,  
Sáu tay xưa nay có tiếng kiết;  
Thề mà trang-hoàng, Tết năm nay,  
Cũng rượu, cũng chè, sang ra phết!

...

Tối ba mươi

Ba mươi giao-thừa, hội-họp nhau,  
Treo pháo lên cửa nổ đầu hết;  
Anh em phòng khức bắt-chước ngay,  
Chắc tai: đi đừng. Nghệt mùi khét.  
Pháo xong anh em ngồi quanh bàn,  
Nướng mực, mở rượu, cùng thưởng Tết.  
Cười nói hê ha, vui-vẻ thay!  
Anh pha tiêng Lào, anh pha Chệt;  
Chúc mừng chén chủ lại chén anh,  
Nhiều tay quá chén, mặt đỏ rết.  
Rượu xong, đàn hát suốt mấy canh,  
Riêng mình đắp chăn, rượu say: mệt.

...

Ngày mồng một

Sớm ngày mồng một. À! mồng một!  
Ngày nay đầu năm, ắt ngày tốt,  
Bánh chưng buổi sáng vừa ăn xong,  
Vào la-va-bo nước lạnh buổi!  
(Nước lạnh nhưng mình cũng cừ gan,  
Đầu năm rứt-rứt, ầy không tốt!)

Tắm xong, lật-đật bận áo quần,  
Ca-vát, phỏ-côn cũng đứng mốt!  
Chúc mừng anh em người một câu,  
Anh em đi chùa, mình đi nột.  
Vào chùa Ngọc-sơn thấy các cô,  
Khăn san, áo mùi thực chải chuốt!  
Các cô khăn vái những chi chi....  
(Ý như cầu giới được chồng tốt)  
Chúng mình nhô-nháo đứng ngoài cửa,  
Liếc lại, liếc qua: công-từ bột!  
Ra chùa gặp Phong đi cùng Hà,  
Mình cùng nhập bọn làm một tốp.  
Sờ túi, tiền Tết còn nắm hào,  
Mua một phong pháo, một hộp «giếp».  
Hút thuốc xì xèo, nổ pháo chơi,  
Thề là tiêu xong ngày mồng một.

~~~~~  
Khóc em Xuân-Tâm

Em Xuân thừa bé hay hoang-nghịch,
Bắt mèo cột hoa vào đuôi chơi,
Chui bụi, treo cây bắt tổ sáo,
Dăm ba đứa trẻ cùng nó cười

...
Đền năm mười tuổi vào trường học,
Thông-minh chỉ đã thấy hơn người;
Đi đấu cũng giật lây giải nhất,
Hoặc khi thi hạch, hoặc khi chơi.

NHỮNG NÉT ĐAN-THANH

Mười lăm tuổi chần thông sách-vở,
Kiêu-căng vả lại tính khinh người,
Khinh phường siểm nịnh hay táng-bờc,
Khinh lũ giàu sang chỉ biết chơi.

...

Mười tám tuổi đầu chí hăng-hải,
Bay cao nhặng muốn vượt ngang trời.
Gặp cơn gió bão, chim sa cánh,
Lồng lộng giới xanh bỗng chốc: rơi!

Yêu đời — Chán đời

Ai yêu đời?

Ta chán đời:

Cuộc đời đáng chán chị em ơi!
Ba cân thịt thối, này nhan-sắc!
Mua bán không nên hỏi vồn lời.

Ai chán đời?

Ta yêu đời:

Cuộc đời sống lấy đề mà chơi;
Kìa kìa bên bãi hoa đua nở,
Cười cợt nhân-tình giọng lả lơi!

Con trâu

Con trâu tắm mát ở đầu kênh,
Có sương hay không, cái xác kỉnh?
Tắm mát xong rồi lên bãi cỏ,
Bốn bề đồng ruộng rộng mông-ménh.

Chinh phu

Vinh-nhục kẻ chi thân bảy thước !
Ngang-tàng mặc sức chí giang-hồ !
Chổng-chật Thiên-sơn thành đá trắng,
Mịt-mù Tây-vực cảnh đồng khô ;
Trường-thành ruồi ngựa sương nghi-ngút,
Nhạn-ải gò cương tuyết mịt-mù ;
Chẳng nhấp rượu đào say cũng chết,
Bên mình gương sắc máu chưa khô.

Tặng em Thu-Liễu

Thu hệt rồi đây sẽ đèn đông,
Đêm nghe tiếng nhạn luống đau lòng !
Cuộc đời hiu-quạnh, mình hiu-quạnh,
Thu-Liễu em ơi, có biết không ?

. . .

Thu-Liễu em ơi, có biết không ?
Thương em có nỗi cũng không cùng !
Gặp em họa chỉ năm canh mộng,
Thu-Liễu em ơi, có biết không ?

. . .

Thu-Liễu em ơi, có biết không ?
Tấc gang nào khác mây muôn trùng !
Bức thành lễ-giáo ai xây đỏ,
Thu-Liễu em ơi, có biết không ?

Thu-Liêu em ơi, có biết không?
Nhưng là ngày nhớ lại đêm mong!
Thu này những ước cùng em gặp,
Dưới nguyệt đôi ta ngỡ chứt lòng.

Thu-Liêu em ơi, có biết không?
Đêm nghe tiếng nhận lòng đau lòng!
Cuộc đời hiu-quạnh, mình hiu-quạnh,
Thu-Liêu em ơi, có biết không?

Thu

Trời đã sang thu,
Trời đã về thu,
Bên sông sương trắng mịt mù,
Cảm thương sen đã vì thu mà tàn.
Ngồi tựa lan can,
Đứng tựa lan can,
Một bầu tâm-sự biết bàn cùng ai?
Đừng lay làm chơi,
Chớ lay làm chơi,
Tiêu ma tuê nguyệt thiết thời thông-
minh

Đáng tức cho mình,
Đáng giận cho mình,
Đã không một tiếng vang trời đất,
Thì cũng ngàn thu rặng sử-xanh.

Cảnh đó, người đâu ?

*Gặp em thơ-thần bên vườn hạnh,
Hỏi mãi mà em chẳng trả lời.
Từ đó bắc nam người một ngả,
Bên vườn hoa hạnh bóng giăng soi !*

Trên mặt biển

*Trên cồn đá trắng,
Dưới đám mây xanh,
Năm xưa, trước biển,
Ta đứng một mình.*

*Ta đứng một mình
Ngoài vòng xã-hội,
Kẻ trọng, người khinh.*

*Ta đứng một mình
Xa nơi thành-thị ;
Ta cùng giới đất
Như ngày mới sinh.*

*Ta chơi với chim,
Chim bay từng xanh ;
Khi cao, khi thấp,
Khi chậm, khi nhanh,*

*Ta chơi với cá,
Cá lượn chung quanh ;
Ở dưới chân ta
Vùng vẫy ngạc kên.*

Ta chơi với mây,
Mây không bay nhanh;
Mây trên đầu ta
Tạc đủ muôn hình.

Ta chơi với sông,
Sông không làm thình;
Sông nổi lời ta
Sóng vỗ rập rình.

Ta chơi với nàng
Trong vòng tưởng tượng;
Trong vòng tưởng tượng,
Trông nàng càng xinh.

(Nàng cũng yêu ta
Trong cõi vô hình)
Ở trên mặt biển
Man mác ái-tình.

Hồn thiếu-nữ

Hồn thiếu-nữ giống như ngọn gió
Đưa hồn ta lên chỗ mây xanh.
Kìa! trên mặt đất mỏng-mạnh,
Một đoàn vô-sĩ nó giành miếng ăn!
Hồn thiếu-nữ giống như sao sáng
Đưa hồn ta trong khoảng giới đen.
Kìa! trong thành-phố nhỏ nhen,
Một đoàn vô-sĩ nó chen mà vào!

Mây xanh gió mát giăng cao,
Ta cùng thiều-nữ cùng vào cõi tiên.
Cõi trần ta ít trần duyên;
Người trần họ chỉ xem tiên là vua!
Ta cùng thiều-nữ nô-đùa,
Ngày xuân cỏ ngọc, không mua
được nào.

~~~~~

Mảnh giăng khuya  
Mảnh giăng khuya treo hờ-hững  
trên trời,  
Trông giăng ta lại nhớ người,  
Nhớ người phở chùa bên giới xa xa.  
Nhìn giăng, giăng lại nhìn ta.

~~~~~

Ta không muốn sầu
Ta không muốn sầu,
Ta muốn cùng thiều-nữ
Vui cười cho hết ngày xuân.
Ta không muốn sầu,
Ta muốn cùng thiều-nữ
Nô-đùa cho hết đêm xuân.
Ta không muốn sầu,
Ta muốn cùng thiều-nữ
Chuyện trò cho hết ngày xuân.



Ta không muốn xem sách,
Những ý-tưởng trong sách
Đều là những ý-tưởng chết khô!
Ta muốn đọc trong con mắt thiêu-
nữ
Những ý-tưởng siêu việt,
Trong sách như khối băng trên
đỉnh núi Thiên-Sơn.
Hoặc những nỗi ham-muốn nồng
nàn
Hay nỗi lòng thương, yêu vô hạn.
Cho nên ta đốt hết sách-vở,
Mà suốt ngày ngẫm cái tinh-thần
Của con mắt người thiêu-nữ
Trong trí tưởng-tượng của ta.

Mỗi lần tôi đi qua...

Mỗi lần tôi đi qua cửa nường-nường
Tôi nhìn nường-nường như một bức tranh tuyệt
đẹp.
Rồi tôi đi qua...
Hình-ảnh nường-nường trong linh-hồn tôi
Cũng lờ mờ mà tiêu tán dần đi.

Thưa nương-nương
Có hay chỉ một cuộc ái-tình!
Quả tim người ta như viên đá cẩm-thạch
Dầu hai quả tim hợp lại,
Nhiệt độ cũng không tăng lên được một độ nào.
Cái môi người ta là hai miếng thịt,
Cái hôn chỉ là bắt đầu sự chết đó mà thôi!

Cho nên
Mỗi lần tôi đi qua cửa nương-nương,
Tôi nhìn nương-nương như một bức tranh tuyệt đẹp,
Rồi tôi đi qua...
Hình-ảnh nương-nương ở trong linh-hồn tôi
Cũng lờ-mờ mà tiêu tán dần đi.

Cái quạt

Kính thăm nương-tử :
Độ ấy (nặng hè ỏi ả) bạn tôi cùng tôi
Ngẫu nhiên gặp nương-tử ;
Tôi chưa hề biết nương-tử bao giờ,
Nhưng hình như đã quen nhau lâu lắm.
Vi :
Trong ánh sáng con mắt nương-tử
Có nhiều ý-tưởng cao-siêu
Và nhiều tình tình thanh-khiết

~~~~~ NHỮNG NÉT ĐÀN-THANH ~~~~~

*Độ ấy*

*Nương-tử nhìn tôi mà cười,  
Cái cười đỏ đã làm rung động lòng tôi.  
Rồi...*

*Nương-tử cho tôi chiếc quạt,  
Tuy rằng kẻ bán người mua.*

*Từ đó*

*Vì những bức thành bất ngờ trong xã-hội,  
Mà : nương-tử cùng tôi tuy là gần gũi,  
Nhưng : cách xa hơn mấy muôn trượng.*

*Thế mặc dầu*

*Mỗi khi giời hạ nung lò,  
Nhìn chiếc quạt năm xưa côi lòng mát mẻ  
Như tấm gột chốn sudi tiên.*

*Mỗi khi đàn người nhẩn nanh há miệng,  
Mà nói những điều thô bỉ chua cay  
Hoặc giơ chân múa tay  
Mà cử chỉ một cách xấu xa,  
Nhìn đến chiếc quạt ngày xưa  
Thời linh-hồn tôi thoát vòng trần-tục  
Mà bay-bồng lên những chốn thanh-cao vô cùng,*

~~~~~  
Cầu Tràng-tiền (Huế)

Chiều chiều

Nước sông như gương.

Ánh vàng tỏa

Trên dãy núi xanh xa xa

NHỮNG NÉT ĐÀN-THANH

Èm-dềm như cảnh mộng.
Các chị nữ học
Đi về,
Áo quần phấp-phới dưới ngọn gió tây:
Hữu tình;
Trên nét mặt
Biết bao những màu thanh vẻ tú.

Ban đêm người vắng-vẻ,
Đứng tựa bên cầu
Mà nghe khúc đàn dâm-bôn, ai-oán
Thì mê-mẩn tâm-thần
Mà muốn hưởng những sự khoái-lạc vô cùng...
Rồi gieo mình vào cõi hư-vô !

...

Hoặc nghe điệu hát thê-thảm
Của cô lái đò
Thì hình như nghe hồn người mất nước
Rền-rĩ dưới lòng sông.

Nguyễn-Du

Nguyễn-Du
Khi còn bé:
Đầy chí ngang-tàng;
Trèo lên ngọn núi Hồng-linh,
Nhìn xuống sông Lam-giang
Mà nghe âm-nhạc của trời đất.

NHỮNG NÉT ĐÀN-THANH

Khi trưởng thành :

*Yêu mến nông-nàn,
Vì ái-tình mà hiểu những lẽ uyên-thâm của trời đất.
Sau bị tình-nhân ruồng rẫy,
Ngắm giăng sông mà khóc suốt canh dài.
Lại từng lăn-lóc trong đám yên-hoa ;
Đã từng thả thuyền trên sông Hương
Mà nghe những điệu ca thê thảm ;
Đã từng ném bạc ở hồ Giám
Mà nghe tiếng đàn một người ca-kỹ phiêu lưu.*

...

Lúc thành thân :

*Anh-hùng ra sức, mà gió bụi tung trời,
Nguyễn-Du đã từng xông pha chốn tên bay, đạn lạc,
Rồi...
Phải bốn ba nam, bắc,
Mấy năm trời nuốt gió ăn sương.
Sau lại phải áo-xiêm đùm-bọc
Lênh-đênh trong đám quan trường,
Ơn vua tuy đầm thắm
Nhưng nổi nhục-vinh cũng đến bạc đầu.*

...

Trở về già :

*Dưới chân núi Hồng-linh,
Một túp lều tranh, mấy chồng thơ cổ,
Chim hôm lác đác về rừng ;
Mảnh trăng treo trước cửa ;*

NHỮNG NÉT ĐÀN-THANH

Ngồi bên đóa trà-mi
Gảy khúc cao-sơn, lưu-thủ,
Nhớ người xưa, mà yêu một người trong mộng :
Thúy-Kiều.

Nietzsche

Nietzsche

Trong lúc đêm tối
Trèo lên ngọn núi cao chắt ngất
Đốt ngọn lửa sáng rực !
Để cho thế gian biết y đã lên quá cõi trần-gian.
Lúc trở về chép ý-tưởng vào giấy,
Những ý-tưởng như sấm, như sét !
Chép xong,
Hình như thề-gian rung động, lung-lay !

...

Những ý-tưởng đỏ ra khỏi linh-hồn Nietzsche ,
Thì linh-hồn Nietzsche trống không
Như một cái vức tối om,
Mênh-mông không bền, không bờ.

...

Từ đó :

Nietzsche dưng hai mắt
Nhìn xung quanh vũ-trụ
Không thấy gì
Mà cũng không nói một điều gì.

Nhớ :

Đêm khuya, trên gác dục-tài;
Anh em đều ngủ.
Một mình
Đứng trước cửa sổ, nhìn giăng bạc;
Suốt giờ,
Rồi nhìn xuống Hồ Tây
Phảng lảng...
Sương mù nghi-ngút xa xa...
Tự nhiên,
Nhìn lên giăng,
Cảm tình vô hạn...
Rồi lại lạnh buốt cõi lòng!
Vội-vàng đóng cửa đi ngủ,
Sợ bóng giăng đến tận bên giường.

~~~~~  
**Muốn**

**Muốn :**

Làm người phi-tướng  
Nuốt muốn dăm giờ xanh!  
Rồi một ngày gãy cánh giữa giờ,  
Chôn mình vào dốt bể sâu.

**Muốn :**

Làm cánh hoa nở bên đường,  
Thiếu-nữ đi qua, vút xuống mà hôn;  
Rồi mưa đông tầm-tã, gió đông vùn-  
vụt,  
Làm cho cánh hoa tản-tác bốn phương.

**Tưởng-tượng**

Tôi nhìn ra  
Trên mặt đất :  
Cổ cây xơ-xác,  
Nhà cửa tiêu-diêu,  
Cảnh-vật đìu-hiu.  
Tôi nhắm mắt lại  
Tưởng-tượng.

Trên giời giăng sao vằng-vặc,  
Lá cây lấp lánh dưới bóng giăng.  
Gió mát  
Đưa mùi hương bát-ngát  
Của muôn hoa mới nở trong vườn.  
Nàng ôm vai tôi,  
Lặng lặng.  
Một cái không-khí vừa êm-dềm vừa  
đằm ắm.

Bao-bọc lấy tôi.  
Hình như tôi nghe quả tim nàng  
Hay là tiếng gió đưa lá  
Trên cành cây....  
Nàng đưa mắt nhìn tôi,  
Đìu-dàng  
Mà lửa tình chói lợi,  
Làm cho nung nấu cả tấm lòng tôi.  
Từ bao giờ ?  
Miệng tôi ấp lấy miệng nàng,  
Tôi hôn nàng trong một thời khắc

Hay tất cả thời-gian?

Trên giờ giảng sao vắng-vác,

Lá cây lấp-lánh dưới bóng giảng.

Gió mát

Đưa mùi hương bát-ngát

Của muôn hoa mới nở trong vườn,

Tôi mở mắt ra: mộng tàn

Trên mặt đất :

Cỏ cây xơ-xác,

Nhà cửa tiêu điều,

Cảnh vật điêu hiu.

# VĂN CHUẨN HỒN

Truyện của Nguyễn Du

Văn Chuẩn Hồn là một tác phẩm văn học nổi tiếng của Nguyễn Du. Tác phẩm này được viết bằng thể loại truyện ngắn, kể về cuộc đời và số phận của một người con gái tên là Văn Chuẩn Hồn. Tác phẩm này được coi là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Du.

Chuyện Văn Chuẩn Hồn bắt đầu bằng việc kể về cuộc đời của một người con gái tên là Văn Chuẩn Hồn. Cô là một người con gái xinh đẹp, thông minh và có tài năng. Cô được sinh ra trong một gia đình nghèo khổ, nhưng cô vẫn luôn giữ gìn phẩm giá và lòng tự trọng của mình. Cô đã trải qua nhiều khó khăn và thử thách trong cuộc đời, nhưng cô luôn vượt qua tất cả bằng lòng dũng cảm và nghị lực của mình. Cuối cùng, cô đã tìm được hạnh phúc và một người chồng xứng đáng.



# VĂN CHIÊU-HỒN

của Cự Nguyễn-Du

Văn Chiêu-Hồn  
thuộc về lối văn  
bình-dân

Nói đến sự-nghiệp văn-  
chương cự Nguyễn-Du, người  
ta thường chỉ biết có chuyện  
Kiều. Nhưng chỉ biết có chuyện Kiều  
không thể hiểu được tâm-hồn cự Nguyễn-Du  
một cách hoàn toàn.

Chuyện Kiều đã đành rằng nhờ văn-lai  
của cự mới lưu truyền được đến bây giờ,  
song cốt chuyện vẫn là của người Tàu.  
Nhân đó có kẻ chê cự ít tưởng-tượng, không  
tự mình đặt ra được một chuyện mà phải  
đi mượn của người.

Nếu xét đến tình-hình học-thuật ta hồi  
bây giờ, tưởng cũng không nên trách cự  
Nguyễn-Du về chỗ đó. Huống chi ngoài  
chuyện Kiều, cự còn để lại nhiều văn thơ  
khác, do những tính tình, tín-ngưỡng cùng  
cách sinh-hoạt của người mình mà viết ra.

Bài Văn Chiêu-Hồn là một.

Bài này lần thứ nhất được đưa ra giới thiệu với làng văn là ở quyển *Tiểu-sử cụ Nguyễn-Du* do ông Lê-Thước biên tập. Về sau trong quyển *Văn-đàn bảo-giám*, ông Trần-trung-Viên cũng có lục đăng. Nhưng xem chừng không được mấy ai đề ý đến. Một đôi người có xem qua thì lại chê. Thậm chí có kẻ dám quả quyết rằng bài ấy không phải của cụ Nguyễn-Du vì họ cho không xứng với tác-giả chuyện *Kiều*.

Theo ý tôi lại trái hẳn. Không những Văn Chiêu-Hồn là của cụ Nguyễn-Du mà chỉ có cụ Nguyễn-Du mới viết được bài văn ấy. Nói thế không phải không nhận chuyện *Kiều* và Văn Chiêu-Hồn tính chất khác nhau. Chuyện *Kiều* là thuộc về lối văn bóng bẩy, hoa mỹ, cồ-diễn, lối văn để cho các người có nho-học ít nhiều. Văn Chiêu-Hồn là một bông hoa nở giữa đám bình-dân chất phác, giản dị và hay tin những điều huyền ảo. Thực cụ Nguyễn-Du đã tự mình sáp nhập với kẻ thường dân làm một mới viết ra bài ấy.

Trong lúc viết, cụ đã quên mình là học trò ông Khổng, ông Mạnh mà nghiêm nhiên đối lấy cái tâm-hồn của anh phu cây ruộng, của bà lão nhà quê.

Văn Chiêu-Hồn Nguyên dân ta vẫn thường gốc ở một sự tin rằng mỗi năm đến tiết tín-nguyệt của tháng bảy ở dưới Âm-phủ mở bình dân ngục cho vong linh lên dương gian. Những cô hồn không chỗ nương nhờ về than khóc và quấy nhiễu người sống. Sở dĩ có sự mê-tín này có lẽ bởi về tiết tháng bảy ở xứ ta trời nóng nực và ẩm thấp, nhiều người chết về bệnh thiên thời. Đứng trước cảnh đau đớn đó, người mình muốn tìm ra một cái nguyên-nhân và một cách giải thoát. Cũng vì thế mà về tháng này hay có sự lập đàn làm chay để siêu độ các âm hồn bơ vơ không thừa-tự.

Một cái đề như thế mà trước kia chưa thấy ai đem vào văn thơ; đến sau này, các văn-sĩ cũng tưởng như không biết đến. Trước sau tôi chỉ thấy có cụ Nguyễn-Du. Chỉ một cái sáng-kiến đó đã thấy cụ Nguyễn-Du hơn các văn-sĩ khác nhiều, gần hạng bình-dân hơn các văn-sĩ khác nhiều.

Văn Chiêu-Hồn  
kết cấu theo trật  
tự của mỗi cảm  
tự nhiên

Nhưng phải xem trọn cả bài  
mới hiểu rõ là một bài văn rất  
có giá trị.

Mở đầu sáu câu tả cảnh thu : trời mưa  
liên-miên như xúi-xụt, xa xa ngàn lau nhuộm  
bạc một màu, lá ngô-đồng rụng đầy đất,  
bóng chiều man mác trên cây dương, tiếng  
sương sa lác-đác... một cái cảnh như gieo  
mối đau đớn vào trong lòng người đa cảm,  
sinh ra mơ-tưởng những điều mắt không  
thấy, tai không nghe mà trong những ngày  
êm-đềm, ấm-áp không thể tưởng đến được.  
Trong một cái cảnh âm-thầm náo-nuột như  
thế, tự nhiên ta thấy cái thế-giới vô hình  
cũng có cũng thực như thế-giới hữu hình  
vậy.

Nhà thi-sĩ bỗng tưởng-tượng những hồn  
đơn phách chiếc lưu-lạc lênh-đênh. Nào  
khách giang-hồ, nào người khuê-các, nào  
những vị quyền cao chức trọng tiền lâm  
bạc nhiều cho đến anh học trò xác bỏ thân  
nơi quán dịch, người đi buôn, người đi  
lính, gái trắng hoa, anh ăn-máy, người

chạy giặc, đưa bé lỏi giờ sinh, mỗi người đều có mấy câu lược-thuật lại cái đời của mình. Song dần dần trong trí nhà văn không còn phân biệt hạng người nào nữa, chỉ nhớ nhúc, nheo nhác một đoàn đau khổ: người chết vì ma thiêng, nước độc, sơn tinh thủy quái, người chết vì voi, vì hổ, vì nước lũ, vì lửa thành, hoặc đương bơ vơ nơi thần tử, Phật tử, nơi ngọn suối chân mây, hoặc đương lần quất chỗ đầu sông cuối chợ, điểm cỏ, vùng lau, cả cái thế-giới vô hình như hiện ra trước mắt nhà văn. Tiếng thở than khóc lóc nghe như ran dấy dưới đất mà lọt vào tai nhà văn.

Nhà văn đây lại là một người rất giàu lòng thương người. Thấy cảnh khổ không thể không tìm phương cứu khổ.

Làm thế nào mà cứu khổ? Chỉ có cái triết-lý uyên-thâm của đạo Phật, chỉ có lòng từ-bi mệnh mông của đức Phật mới rửa sạch được bao nhiêu nỗi đau phiền. Cho nên Văn Chiêu-Hồn kết bằng một tiếng kêu-van thiết-tha, kêu-van đức Phật-

tổ hãy đủ lòng thương xót chúng sinh. Xem đoạn này nếu ta không phải tín-đồ đạo Phật, hay nếu ta không biết trong chổe lát tượng-tượng mình là tín-đồ đạo Phật thì khó lòng mà thưởng thức được câu văn. Những chữ *tứ hải quần chu, thập phương tam giới* v.v... ta sẽ cho là khó-khàn. Song ta phải biết quên mình mới được. Ta có biết quên mình, ta mới thấy cái lòng thương người của lúc-giả sâu-sắc là chừng nào. Chỉ trong một đoạn mà ba lần cụ Nguyễn-Du viết:

*Nhờ phép Phật siêu sinh tĩnh độ.*

*Nhờ đức Phật thần thông quảng đại.*

*Nhờ phép Phật uy linh dũng mãnh.*

hơi văn đi như một bài kinh cầu nguyện, nghe thống thiết lạ.

Văn Chiêu-Hồn  
đầy đầy lòng  
thương người

Lòng thương người của tác-  
giả sâu sắc là thế mà lại rất  
mực rộng rãi, bao dung hết  
thảy mọi hạng người, không chia kẻ sang  
người hèn, kẻ hiền người ngu, kẻ tài hoa  
người đức hạnh đáng thương mà anh tướng  
giặc, gái giang-hồ, anh trọc phú keo sên  
cũng đáng thương cả.

Lòng thương  
không phân đẳng  
cấp

Trước pháp-luật, trước dư-  
luận, trước đạo-đức còn có  
kẻ trọng người khinh, không  
thề dung hết được. Trước con mắt người  
sẵn mối từ-tâm của nhà Phật thì ai cũng như  
ai, ai cũng đau khổ, ai cũng đáng thương:  
loài người có lẽ đến đây mới thực là đồng  
đẳng.

Lòng thương đối  
với con trẻ

Tự trung, trong lòng nhà  
thi-sĩ vẫn như có ý dành riêng  
một chỗ cho các kẻ yếu hèn. Mấy câu:

*Kia những đứa tiểu-nhi tẩm bẻ  
Lỗi giờ sinh lia mẹ lia cha!  
Lấy ai bồng bế xót xa,  
U-ơ liếng khóc thiết tha nỗi lòng.*

mấy câu đó, ai đọc đến mà không lấy làm thương tâm?

**Lòng thương đối**      Lại còn hạng buôn nguyệt  
với đàn bà      bán hoa. Cụ Nguyễn-Du đối  
với hạng này có cảm-tình đặc-biệt. Tôi  
không hiểu sao một người sống trong khuôn-  
phép chật hẹp của đạo Khổng — tôi chỉ nói  
đạo Khổng theo lối các cụ nho ta thường  
hiểu thôi — mà có lòng bao dung như vậy.  
Trong hồi người nước như đương ngạt dưới  
cái không-khí nặng nề, khó thở của một đạo-  
đức hẹp hòi, trong lúc chưa ai biết đến  
những tư-tưởng của chủ-nghĩa phụ-nữ, của  
chủ-nghĩa xã-hội ngày nay, cụ Nguyễn-Du  
đã dám công nhiên xử trắng án cho gái giang-  
hồ :

*Đau đớn thay phận đàn bà !*

*Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu.*

Ngay trong chuyện Kiều, cụ đã đề một  
tấm lòng vị-nghĩa rất cao-thượng, một tâm-  
hồn rất trong sạch, rất nồng nàn trong thân  
xác một gái giang-hồ. Chuyện Kiều có thể

xem như một bài thân oan, gở tội cho hạng người bất-hạnh đó.

Một điều nữa đáng chú ý: cụ Nguyễn-Du như cảm thấy — không phải suy thấy — sự bất công của xã-hội, của Tạo-Hóa đối với người đàn bà. Câu:

*Đau đớn thay phận đàn bà!*

tôi nhắc lại trên kia là trích ở Văn Chiêu-Hồn mà ở chuyện Kiều cũng có.

Văn Chiêu-Hồn

và

chuyện Kiều

Về một phương-diện khác chỉ hai câu văn đó trùng nhau cũng có thể khiến ta tin rằng Văn Chiêu-Hồn chính cụ Nguyễn-Du viết ra. Huống chi trong Văn Chiêu-Hồn còn nhiều câu khác tương tự văn Kiều, như những câu này:

*Mệnh mông góc bề bên trời  
Năm xương vô chủ biết nơi chốn nào!*

(Kiều:

*Chân trời mặt biển lênh-đênh  
Năm xương biết gửi tử sinh chốn nào!)*

*Thương thay cũng một kiếp người  
Sống nhờ hàng xóm chết vui đường quan!*

(Kiều:

*Thương thay cũng một kiếp người  
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi!)*

Văn Chiêu-Hồn  
là một bức tranh  
của xã-hội ta hồi  
xưa

Trên kia tôi đã nói qua chuyện  
Kiều và Văn Chiêu-Hồn khác  
nhau thế nào. Tôi còn nhớ có  
một vị giáo-sư Pháp hỏi tôi : « Ngoài lời văn  
và âm-diệu văn, trong chuyện Kiều có cái  
gì có thể tiêu biểu riêng cho tâm-hồn người  
Nam không? » Lúc bấy giờ tôi rất bối rối,  
tôi không biết giả lời thế nào vì tôi không  
muốn giả lời rằng không có ; mà thực ra thì  
không có.

Ví thử vị giáo-sư đưa câu ấy hỏi về Văn  
Chiêu-Hồn thì câu giả lời thành rất dễ. Văn  
Chiêu-Hồn là một bức tranh đơn sơ mà  
linh động của xã-hội ta hồi chưa tiếp xúc  
cùng Âu-hóa. Chỉ có xã-hội ta mới tin có  
những cô-hồn thất thêu trong rừng sim, hằng  
năm ăn nhờ hớp cháo lá đa. Chỉ có ở xã-hội ta  
mới có cái cảnh :

*Khóc mà mướn thương gì hàng xóm !*

*Hòm gỗ ra bỏ đóm đưa đêm.*

*Ngần ngơ trong quăng đồng chiêm,*

*Tàn hương giọt nước biết tìm vào đâu !*

Phần tưởng-  
tượng trong Văn  
Chiêu-Hồn : Nhưng giá-trị chính của bài  
Nguyễn-Du và tưởng-tượng. Cái đặc sắc bài  
Shakespeare này cũng ở đó. Xem bài này ta

thấy rõ trí tưởng tượng của cụ Nguyễn-Du  
rất dồi dào, rất mãnh liệt. Trong trí-cụ,  
những ý tượng (images) không phải chỉ thoáng  
qua mà lại cứ triền-miên như không muốn  
dứt. Mở đầu ra cụ đã nói đến xương khô:

*Toát hơi may lạnh lẽo xương khô.*

Cách mấy câu, cụ lại viết:

*Máu tươi lai láng xương khô rùng rờ.  
Mà nào đã hết đâu. Cụ còn nhắc lại hai  
lần nữa:*

*Mà khi nhắm mắt không người nhặt xương  
.....*

*Nằm xương vô chủ biết nơi chốn nào ?*

Cái hình ảnh những đồng xương như không  
sao ra khỏi trí nhà văn. Câu văn thành ra  
lâm ly, ghê gớm ; có nhiều đoạn thực lâm ly

ghê gớm không kém gì những huyền tưởng của Shakespeare trong quyển Macbeth hay của Goethe trong quyển Faust :

*Đoàn vô-tự lạc loài nheo-nhóc  
Quỷ không đầu đón khóc đêm mưa*

*Lập lòe ngọn lửa ma trời  
Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương*

*Sống đã chịu một bề thảm thiết  
Ruột héo khô da rết cắn cắn*

*Dãi dầu trong mấy muôn năm  
Thở than dưới đất ăn nằm trên sương.*

*Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn  
Lặn mặt trời lần-thần tìm ra*

*Lôi-thôi bỗng trẻ giắt già*

Có một điều đáng lấy làm lạ là cái tiếng gà như có thần lực gì khiến loài ma quái phải sợ. Lạ hơn nữa là hai dân-tộc xa nhau như dân Anh và dân ta mà cùng chung một tín ngưỡng đó. Trong vở kịch Hamlet, Vua Cha vừa mới hiện hình trên bãi biển Elsenour chưa kịp thuật lại những điều oan khuất của mình bỗng nghe tiếng gà gáy, vội phải biến đi, để về chịu hình trong hỏa ngục.

Hai cái quan-  
niệm về sự chết  
Nguyễn-Du và  
Nguyễn - khắc -  
Hiếu

Cụ Nguyễn-Du cũng như Sha-  
kespeare khéo mượn tiếng gà  
gáy lúc canh khuya, khéo gợi  
những cảnh ma quái khiến  
người xem hiểu được cái vẻ kinh khủng,  
bi thảm của sự chết, bổ cứu cho một cái  
khuyết-diểm lớn trong văn-ngệ ta.

Văn-sĩ ta không phải không có ai đưa  
sự chết làm đề văn, nhưng thường chỉ cảm  
thấy một thứ buồn nhẹ-nhẹ dịu-dàng,  
man-mác mà không sâu-sắc, ông Nguyễn-  
khắc-Hiếu có viết một bài chường như nhan  
đề *Thăm mã cũ thi phải*, tôi có nhớ mấy câu  
như vậy:

*Hay là thừa trước khách văn-chương ;  
Chen hội công-danh nhớ lạc đường.  
Tài cao, phận thấp, chí khí uất ;  
Giang hồ mê chơi, quên quê hương.*

*Hay là thừa trước khách phong lưu ;  
Vợ con đàn hạc đề huề theo.  
Quan sơn xa lạ, đường lối khó ;  
Ma thiêng, nước độc, phong sương nhiều.*

Hay là thừa trườc bạc tài danh;  
 Đôi đôi, lứa lứa, cũng đình-ninh.  
 Giận duyên, lủi phận, hờn ân-ái;  
 Đất khách nhờ chôn một khối tình.  
 Suối vàng thăm-thăm biết là ai.  
 Mả cũ không ai kẻ đoái hoài.  
 Trải bao ngày tháng tro tro đó,  
 Mưa dầu, nắng dãi, giăng mờ soi.  
 Ấy thực quê hương con người ta;  
 Nhấn bảo bên đường những khách qua:  
 Có tiếng khóc oe thì có thể;  
 Trăm năm khôn đại dễ ru mà !

Bài thơ ông Nguyễn-khắc-Hiếu không phải không hay, lời chải chuốt, điệu êm đềm; nhưng nếu đưa sánh với bài Văn Chiêu-Hồn, ta thấy khác nhiều lắm. Bài thơ của ông Nguyễn-khắc-Hiếu chỉ hình-dung được cái phần buồn mà không hình-dung được phần đau đớn trong sự chết, bởi vậy nên xa sự thực hơn bài Văn Chiêu-Hồn. Bài thơ ấy là về lối thơ người mình dễ thích dễ cảm vì người mình vốn thiếu tinh-thần mạnh-mẽ, không hiểu được cái vui sâu hay cái buồn sâu,

Vì sao Văn Chiêu  
Hồn ít được hoan  
nghênh Có lẽ vì bản tính người  
mình như thế nên Văn Chiêu-  
Hồn không được mấy người  
thích.

Lại thêm trong bài này, lời văn có một  
hai chỗ hơi khắc khổ, không được chải  
chuốt. Nhưng theo ý tôi, phần này không  
phải phần quan trọng.

Một lẽ nữa là đối với những kẻ mới mon  
men biết đôi tí về khoa-học, Văn Chiêu-Hồn  
thường mang tiếng là văn dị-đoan. Xem  
văn mà câu nể như thế thì sao gọi được  
mỹ-cảm. Ta xem Văn Chiêu-Hồn là đề trong  
khoảnh khắc mua lấy một thứ cảm-giác lạ,  
đề đưa mình vào cái thế-giới tưởng tượng  
của cha ông ta ngày trước hay của hạng  
thường dân ngày nay, đề gợi mỗi từ tâm  
đối với mọi cảnh đau khổ, chớ có phải đề  
tìm một cái triết-lý mà theo, một cái lý-tưởng  
đề mà thờ-phụng đâu.

Viết đến đây tôi lại nhớ hồi tôi mới lên  
mười bốn tuổi, theo học tại trường Cao-  
đẳng Tiểu-học Vinh. Trường-học chúng tôi

dựng trên một bãi tha ma, ngày trước vẫn dùng làm pháp-trường. Ở Vinh, người ta vẫn tin chỗ ấy lắm ma. Những chuyện đương đêm vô cớ đá ném vào tường, những chuyện anh khán trường đào đất gặp phải đầu lâu đều là câu chuyện đầu miệng trong anh em ở dục-tài. Nên đến nhịp nghỉ hè, trước khi từ giã nhà trường, mấy thầy kiểm-học góp nhau lễ âm-hồn để cầu yên. Cả năm chúng tôi nô đùa trên bãi cỏ sao cho khỏi phạm đến vong linh những người chôn ở đấy.

Lễ nhà trường làm giờ rước đi ngủ. Chúng tôi ngủ được một chốc có ai vào đánh thức. Chúng tôi chụi mắt dậy, chẳng biết mấy giờ, cứ đi theo ra nhà chơi, một tòa nhà ba gian đồ-sộ chắc chắn, và không có tường. Đèn điện đều tắt cả, chỉ liu hiu mấy ngọn sáp trên bàn thờ phủ cái khăn đỏ, ở chính giữa nhà. Trên bàn bày các lễ vật theo thói thường: hoa, quả, xôi, chè, áo mũ bằng giấy. Mùi hương ngào-ngạt. Ông kiểm-đốc, ông người đã có tuổi, to béo, khăn áo chỉnh

tề, quý trước bàn thờ đọc bài Văn Chiêu-Hồn, tiếng nghe vang... Tôi đương mơ-màng, nghe những câu :

*Đoàn vô-tự lạc-loài nheo nhóc  
Quỷ không đầu đôn khóc đêm mưa*

*Lặn mặt trời lần thân tìm ra  
Lôi thôi bỗng trẻ giắt già*

Tôi trông ra ngoài: trời tối đen như mực. Giữa không trung như thấy từng đoàn ma quái đương đi, lại, khóc, than...

Lễ xong, họ dọn xuống, mời chúng tôi ăn. Chúng tôi cũng theo anh em ngồi lại. Nhưng xôi, chè, cháo cho đến các giống quả hôm nay sao có cái gì khác khác, tôi thấy ghê lớm lạ không dám động đến.

HOÀI-THANH

## VĂN CHIÊU - HỒN

Tiết tháng bảy, mưa dầm xúi xục,  
Toát hơi may lạnh lẽo xương khô ;  
Nào người thay buổi chiều thu !  
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.  
Đường bạch-dương, bóng chiều man mác,  
Nhịp đường-lê, lác đác sương sa.  
Lòng nào lòng chẳng thiết tha !  
Cõi dương còn có, nữa là cõi âm.  
Trong trường dạ, tối tăm trời đất,  
Có khôn-thiên phảng phất u-minh ;  
Thương thay ! thập loại chúng sinh,  
Hồn đơn phách chiếc, lênh đênh quê người.  
Hương lửa đã không nơi nương tựa,  
Hồn mờ cõi lặn lửa mấy niên.  
Còn chi ai khá ai hèn,  
Còn chi mà nói kể hiên người ngu.  
Tiết đầu thu, lập đàn giải thoát,  
Nước tĩnh-dân, sái hạt dương-chi ;  
Muôn nhờ đức Phật từ-bi,  
Giải oan cứu khổ, cùng về Tây-phương.  
Cũng có kẻ tình đường yêu-hạnh,  
Tri những lắm cát gánh non sông ;  
Nói chi những buổi tranh hùng,  
Trưởng khi thất thế, vận cùng má đau.  
Bỗng phút dân, mưa sa ngói lở,  
Khôn đem mình làm đĩa sắt-phu ;  
Giàu sang càng nặng oán thù,  
Máu tươi lai láng, xương khô rụng rời.

VĂN CHIÊU - HỒN

Đoàn vô-tự lạc-loài nheo-nhóc,  
Quỉ không đầu đón khóc đêm mưa;  
Cho hay thành bại là cơ  
Mà cô-hồn biết bao giờ cho tan!  
Cũng có kẻ màn loan, trướng huê,  
Những cây minh, cung quế phòng hoa;  
Một phen thay đổi sơn-hà,  
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu?  
Trên lầu cao, dưới dòng nước chảy,  
Phận đã đành, trâm gãy bình rơi;  
Khi sao đông đúc vui cười  
Mà khi nhắm mắt, không người nhật xương.  
Đau đớn nhẽ không hương không khói!  
Luống ngẩn ngơ trong cõi rừng sim;  
Thương thay chân yếu tay mềm,  
Càng năm càng héo, một đêm một dài.  
Kia những kẻ mũ cao áo rộng,  
Ngọn bút sơn, sống thác ở tay;  
Kinh luân găm một túi đầy,  
Đã đêm Quân-Nhạc, lại ngày Y, Chu.  
Thỉnh-mãn lắm, oán thù càng lắm,  
Trăm loài ma, mờ nắm xung quanh;  
Nghìn vàng khôn đổi được mình,  
Lầu cao, viện hát tan tành còn đâu!  
Kẻ thân thích, vắng sau vắng trước,  
Biết lấy ai, bát nước nén nhang;  
Cô hồn thất thểu dọc ngang,  
Nặng oan khôn nhẽ, tìm đường hóa sinh.  
Kia những kẻ bài binh, bố trận,  
Đổi mình vào lấy áo nguyên nhung;  
Gió mưa sấm sét dùng dưng,  
Rải thấy trăm họ làm công một người.

Kìa những đứa tiểu nhi tám bé,  
Lỗi giờ sinh lia mẹ, lia cha;  
Lấy ai bông bế xót xa?  
Ừ ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng!  
Kìa những kẻ chìm sông lạc suối,  
Cũng có người sảy cối, sa cây;  
Có người leo giếng đứt giây,  
Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.  
Người thì mắc sơn tinh thủy quái,  
Người thì phải nanh hổ ngà voi;  
Có người hay đẻ không nuôi,  
Có người sa sảy, có người khốn thương.  
Gặp phải lúc đi đường nhớ bước,  
Cầu nại-hà kẻ trước người sau;  
Mỗi người một nghiệp khác nhau,  
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ?  
Hoặc là ần ngang bờ dọc bụi,  
Hoặc là nường ngọn suối chân mây;  
Hoặc là điểm cỏ, bóng cây,  
Hoặc là quán nợ cầu nầy bờ vờ.  
Hoặc là nường thần-tử, phật-tử,  
Hoặc là nhờ dầu chợ cuối sông,  
Hoặc là trong quăng đồng không,  
Hoặc là gò đồng, hoặc vùng lau tre.  
Sống đã chịu một bề thảm thiết,  
Ruột héo khô, da rét căm căm;  
Dãi dầu trong mấy muôn năm!  
Thở than dưới đất, ăn nằm trên sương.  
Nghe gà gáy tìm đường lánh ần,  
Lặn mặt trời, lặn thần tìm ra;  
Lôi thôi bông trẻ giặt giã,  
Có khôn thiêng nhẹ lại mà nghe kinh.

Nhờ phép Phật siêu sinh tĩnh độ,  
Phóng hào quang cứu khổ, độ u;  
Rập hòa tứ hải quần chu,  
Nào phiền trút sạch, oán thù rửa không!  
Nhờ phép Phật, thần thông quảng đại,  
Chuyển pháp-luân, tam-giới thập phương;  
Nhơn-nhơn Tiêu-diện, Đại-Vương,  
Linh kỳ một lá dẫn đường chúng sinh.  
Nhờ phép Phật uy linh dũng mãnh,  
Trong giấc mê khuya tỉnh chiêm bao.  
Mười loài là những loài nào?  
Gái, trai, già, trẻ đều vào nghe kinh.  
Kiếp phù-sinh như hình như ảnh,  
Có chữ rằng: « Vạn cảnh giai-không »;  
Ai ai lấy Phật làm lòng,  
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.  
Đàn chân-tế, vâng lời Phật-giáo,  
Của có chi, bát nước nén nhang;  
Gọi là manh áo thời vàng,  
Giúp cho làm của ăn đàng thẳng thiên.  
Ai đến đấy, dưới trên ngồi lại,  
Gũa làm duyên chớ ngại bao nhiêu;  
Phép thông biến ít thành nhiều,  
Trên nhờ Tôn-giả chia đều chúng sanh,  
Phật hữu tình từ-bi, phổ-độ,  
Chớ ngại rằng: có có không không.

## XUÂN NĂM NAY

Tôi phải dùng một cái ví dụ hơi xưa đây ; nhưng tiện lắm, đúng lắm, tôi cứ dùng. Mỗi chúng ta là một chiếc thuyền, thời-gian là một giòng nước chảy, chảy mãi không thôi. Nêu trên giòng nước ấy, con thuyền chúng ta cũng buộc phải trôi mãi không dừng, cuộc đời e thành lạt-lẽo, vô vị. Những ngày lễ tiết tức là những cái bến trên con sông thời-gian vô cùng vậy. Trong chốc lát chúng ta dừng mái chèo, nghỉ sức, ngoảnh lại trông con đường đã qua, đặng dò cái nẻo đi sắp tới.

Tôi cũng muốn cùng các bạn, nhân dịp Tết này, cho thuyền vào bến, trông thử trước sau. Chốn này là chốn nào ? Non nước nào đây ? Đâu là nơi nước êm sóng lặng ? Đâu là thác, là ghềnh ?

Bốn bề như bao bọc trong cái không-khi khủng-hoảng nặng-nề : khủng hoảng về vật-chất, khủng hoảng về tinh-thần, đứng về phương-diện nào cũng thấy chung một tình-cảnh. Khôn khéo như các dân-tộc Âu-Mỹ cũng hết đường tự-cứu ; mà đến những nước chưa biết gì là đại công-nghệ như nước ta cũng không khỏi mắc quẩn vào vòng.

Kinh-tế khủng-hoảng bắt đầu từ giữa năm 1929 đến nay đã hơn bốn năm ròng; trong lịch-sử cổ kim chưa hề có trạng-thái nào như vậy, trong khoảng năm 1931, 1932, người ta còn có hi-vọng rằng mọi sự khó khăn sẽ qua dần. Lúc bấy giờ trên các thị-trường thế-giới, thỉnh thoảng còn thấy giá tăng lên. Không ngờ xã-hội ngày nay cũng như một người mắc bệnh nặng, gắng dậy được trong chốc lát rồi tình hình lại trầm trọng hơn. Bước qua năm 1933 thì tuyệt nhiên không ai còn hi vọng quay trở lại hồi thịnh-đạt xưa nữa.

Xét ra liệt-cường có ý khuynh-hướng về chính-sách độc-tài, vì họ thấy cái nền kinh-tê vô tổ chức lấy tự do cạnh-tranh làm căn-bản không thể tồn-tại được nữa. Quốc-gia phải can thiệp vào sự sản-đang tài định và hạn-chế cho hợp với sức tiêu-thụ của thế-giới. Đó là chính-sách của Hitler, của Roosevelt. Nhưng xem chừng chính-sách này cũng khó có kết-quả tốt.

Vậy thì tình-trạng sẽ đến thế nào? Khủng-hoảng không thể cứ liên-miên mãi, vì nếu mọi nghề làm ăn mà cứ bị khó khăn như thế này, trong vài ba năm nữa chắc không có nhà nào, người nào đủ sức duy trì nổi. Ta chẳng thấy các nhà có của tiếp nhau vỡ nợ, các người làm thuê mất nghề một ngày một nhiều đó ư? Rồi

mấy vạn, mấy triệu con người đó không lẽ nhìn nhau chịu chết; tất phải tìm phương tự cứu. Tự cứu cách nào? Làm thế nào thì tự cứu được? Cuộc đời sẽ thay đổi ra thế nào? Tương-lai sẽ ra thế nào? Không ai dám nói chắc. Nhưng có một điều chắc là thế nào cũng có một cuộc thay đổi lớn. Hay hay dở? Cứ như hiện tình khốn nạn ngày nay, tưởng không thể có gì dở hơn được nữa.

Có người tựa vào thuyết tiến hóa vòng-tròn của nhà Phật mà nói rằng văn-minh cận kim sẽ tuyệt diệt, nhân-loại sẽ đi vào một vòng tiến hóa khác, sẽ dần dần gây dựng nên một văn-minh khác, khác hẳn văn-minh bây giờ. Cái gương diệt vong của các văn-minh Chaldée, Egypte ngày xưa có thể chứng minh cho thuyết này. Các văn-minh đó phát sinh ra, dần dần bành-trướng lên, trải qua một thời-kỳ rất rực rỡ, rồi tự nhiên mất. Đến nỗi người mấy xứ ấy cũng không nhớ cái lịch-sử vẻ vang của đất nước mình nữa.

Dẫu thế nào, xã-hội loài người sẽ theo con đường tự nhiên của nó mà đi hoài, không phải sức anh hay sức tôi có thể kéo lại được; mỗi chúng ta thực chẳng vào đâu. Thời-cực biến thiên ngấm cho kỹ như hình từ đâu đưa đến. Ta hãy nhắm mắt lại thử tưởng tượng đám người kia, hoặc xúm xít nơi ngã sông, cửa biển, hoặc rải rác chỗ đồng ruộng hay lơ thơ chốn núi non, từ các đất phì nhiêu miền trung Âu, đông Á cho đến những chỗ nóng như thiêu ở châu Mỹ,

châu Phi, những chỗ lạnh tê xương miền bắc cực. Ta hãy xóa hẳn mấy chữ quá-khứ, vị-lai, đặt mình ra ngoài thời-gian, trông suốt xưa, nay, mai như đương bày ra trước mắt ta; kia những bọn trần truồng đương lúc nhúc trong những cái hang sâu tối, kia những bọn võ sĩ đương múa dao trên mình ngựa, đâm chém lẫn nhau, kia những thành-phố rực rỡ nguy nga, những đoàn phi cơ bay liệng; cả cái xã-hội loài người như bị một cái sức mạnh siêu-nhân lôi cuốn bừa đi.

Tuy vậy, người có mắt đạt quan, có nghị-lực không lẽ cứ nhắm mắt đưa chân, tưởng cũng nên dự bị trước để tự chủ lấy mình trong muôn một.

Đương lúc đầu Xuân, thiên-tạ cố sức quên hết thấy mọi nỗi lo, buồn, đương nô nức chơi Xuân, tôi đưa những chuyện này ra nói, ắt không khỏi có kẻ trách: « Nói gì những chuyện nghiêm-trọng như vậy ! » Nghiêm-trọng thì quả nghiêm-trọng thực nhưng tuyệt nhiên không có gì buồn. Mà có khi lại vui nữa đó. Không phải cái vui phù-hiêu, thô-lộ, ngắn-ngủi của đứa trẻ cầm cái pháo tung lên không mà là cái vui mãnh-liệt, sâu-sắc, đằm-thắm của người có trí, có lực, đứng xoa tay trước khi dẫn mình vào công việc làm hay trước khi được mục kích những sự thay đổi lớn.

HOÀI THANH

## THƯ CHO BẠN

Anh Q....

Khi anh tiếp được mấy giòng này thì thiên-hạ đã nô nức sắm sửa rước mừng năm mới. Tôi muốn nhân dịp năm mới, quên hết thấy bao nhiêu những nỗi lo buồn, đau khổ quanh năm, nuôi một mối hi-vọng thiết tha về cái cuộc đời của chúng ta sau này. Tôi muốn tuyệt nhiên không ghét ai, không khinh ai, yêu đương hết thấy mọi người, giữ một tấm lòng trong sạch đặng thu lấy cái hay cái đẹp của trời đất.

Anh ơi, vũ-trụ dầu mệnh mông, Tạo-hóa dầu huyền bí, đạo-lý loài người dầu muôn hình vạn trạng cũng không vượt khỏi hai chữ **THƯƠNG YÊU**.

Mấy lâu nay, tôi thường đọc Dostoievsky tuy có nhiều chỗ không hiểu, nhưng hễ đã hiểu thì thích lắm. Có một đoạn như vậy tôi chép lại đây để anh xem:

*« Est-ce que vraiment on peut être malheureux? Je ne comprends pas qu'on puisse*

*passer à côté d'un arbre et ne pas être heureux de le voir, parler à un homme et ne pas être heureux de l'aimer.» (1)*

Dostoievsky là một người bình sinh cực khổ vô cùng. Không những một thân phải gánh vác hai gia-đình, tiền viết sách, viết báo không đủ tiền giả nợ, mà lại còn bị tù tội, giam chấp, có lần suýt bị tử hình. Người như thế mà viết ra một câu như thế, tất là do một tấm lòng thành, ta có thể tin được.

Quả thế, cuộc đời mặc dầu điên-đảo, lòng người mặc dầu trắc-trở, hung tàn, nếu ta nuôi được một tấm lòng yêu thương hết thấy mọi người, tha thứ hết thấy mọi người thì cũng có thể tự mình tạo ra một cái thế-giới riêng vậy.

Càng bị người ruồng rẫy bao nhiêu lại càng cần phải có lòng yêu dồi-dào bấy nhiêu. Có lúc ta thấy mọi người đối với ta vô tình lãnh đạm, thân ta cô độc chơ-vơ, ta không đủ năng-lực mà sống nữa. Chính những lúc ấy lại càng cần đến lòng yêu thương tha thứ như một điều kiện tất yếu trong cuộc sinh-lồn của người ta.

(1) Thực, người ta có thể khổ được ư? Tôi không hiểu làm sao người ta có đi qua bên một cái cây mà không lấy làm sung sướng vì trông thấy cây, nói chuyện với một người mà không lấy làm sung sướng vì yêu mến người.

Cuộc đời đã dành rảnh đầy nhưng nỗi đau đớn khổ sở; nhưng ta đã thuận sống thì phải biết thương, biết vui. Nếu một ngày kia sức ta không đương nổi bao nhiêu những cái khổ không nói ở đời, mắt ta không đáng trông những sự tàn ác vô cùng ở đời, lúc bấy giờ chỉ có một cách, cách gì anh cũng biết rồi.

Buồn là một sự tối vô lý. Hết thấy những giọng buồn trước giờ tôi nói cùng anh, tôi viết cho anh đều vô lý. Anh nên xem tôi như một người không còn biết buồn là cái gì.

Năm gần hết, viết mấy giọng, gọi là quà năm mới, gửi vào biếu anh.

Ng

## CẨM TẾT

Tôi còn nhớ mãi cái hôm ấy — ngày tôi mới lên bảy — cái hôm mà người ta hạ cây nêu ở ngõ nhà tôi. Hạ một cây tre có cái lầu chuối, nhưng đã làm cho tôi đứt từng đoạn ruột. Đứng nhìn mấy người nhà tôi, thọc xuống xuống đất, đợ cây nêu lên, giống nó xuống, lại chặt nó ra từng khúc, thì tôi tưởng như họ đã làm một điều gì thương-tâm, tàn-nhân vô cùng. Ha một cây tre có cái tàu chuối! nhưng trước mắt tôi như thấy đổ nát cả một thế-giới, xao động cả một trời đất..

Giọt mưa giầm, tiếng pháo nổ, làn khói bay, hương thủy-tiên, mùi bánh chưng... cùng với những sự vui say đầm-ấm, sự mơ-ước nồng-nàn, cả bao nhiêu cái khả-dĩ làm cho cảnh Tết đẹp-đẽ, khả-ái đều như tan-tác mất rồi.

Lòng tôi ngao-ngán chán-nản quá chừng, tôi tưởng tôi không còn có lúc yêu đời được nữa, còn có lúc đánh miếng bánh chưng với cá khô mà miệng tôi biết lấy làm thích-thú, hay là nghe tràng pháo chuột nổ ù-tạch mà lòng tôi biết nhảy nhót. Tôi thấy cái tết nó khả-ố vô cùng, hèn nhất vô cùng, hèn nhất vì đang tâm đánh lừa một đứa bé ngây-thơ. Tôi nghĩ rằng, nguyện với tôi rằng chẳng dễ cho ai gạt một lần thứ hai nữa?...

Nhưng ngày tháng lại đi... Lòng cảm-tức, buồn chán của tôi cũng theo đi... Tôi lại bắt đầu yêu những cái ánh nắng mặt trời buổi mai giọi ở trên đồng lúa xanh, yêu những tiếng hót dịu dàng con chúp-mào ở trên ngọn tre.

Rồi một hôm kia, tôi đương mơ-màng, mộng-tượng, mắt tôi thoát thấy một người đàn bà mặc toàn đồ trắng, tay nắm một chòm thủy-tiên.

Người đã có cái đẹp của Tiên-nga, lại trẻ trung, tươi tắn... Thấy tôi, Người mỉm miệng cười, rồi đưa cái tay rất mềm mại ngoắt tôi: « Đến đây! Em đến đây với chị! Chị cho quà, cho bánh... Em yêu qui của chị! Em hãy đến đây » Giọng nói ngọt ngào, mặn mà biết bao! Thế là tôi đến! Tôi ngậm miếng mứt gừng, tôi uống hớp rượu cúc, tôi xềnh xoàng, tôi vui say... Nhưng khi tôi quay lại, thì người bạn Tiên-nga của tôi đã thoăn thoát rẽ lách đường nào! Tôi lại chán đời! Tôi lại ngao ngán! Tôi lại chửi rủa hằn! Nhưng mà năm năm, hằn lại cứ đến rảo trước mắt tôi, xui giục trêu-gheo tôi... Mỗi ngày tôi thấy tôi già, mà hằn vẫn cứ trẻ-trung, đẹp-đẽ luôn, vẫn còn có cái bí-thuật gì để mê hoặc tôi. Khôn lớn đến như ngày nay, tôi còn vẫn bị nó đánh lừa .. Mỗi lần tôi thấy hằn đến, tâm

tôi lại phe-phẩy, như sắp gặp lại một người  
tình-nhân yêu quý. Nhưng hồi tâm ơi! người  
tình-nhân của mày chỉ là một con Điều-thuyền  
ranh-mãnh, sâu-hiểm, hấn đã bỏ bùa cho mày  
rồi đó!

Mặc kệ! miễn sao ta gần bó, ta mê mết, ta  
nồng-nàn say, ta đắm thắm yêu, yêu say cho đến  
chán-nản, đến mỗi-một, đến... thất vọng.

LƯU-TRỌNG-LU

## GIAO - THỪA

## I

Quả Địa-Cầu đến ngày cùng.

Hai Người còn sống sót lại, đứng trước Thế-giới Thiên-văn dài trên ngọn núi Hy-mã-lạp-Sơn, ngừng đầu trông ngôi sao Thiên-Vương dần dần đi tới. Trong lòng thấy nồn-nao mà vui-vẻ lạ.

Dưới chân nghe tiếng hăm-hực của quả Địa-Cầu sắp chết. Bao nhiêu sức hoạt-động trên mặt đất đều tăng lên trăm ngàn lần tựa như ngọn lửa trước lúc tàn.

Sao Thiên-Vương vừa tới, hai Người ôm nhau nhẹ-nhàng bước sang.

Ngơ-ngác nhìn : hoa-cỏ nào đây ? cảnh vật nào đây ? sao có vẻ hân-hoan như vậy ? cái thế-giới ta lỡ chân lạc bước vào đây là thế-giới gì ? cái cuộc đời đương chờ ta đây nó sẽ ra thế nào ?

Chốc chốc ngoảnh lại trông quả Địa-Cầu đương quay tit trong đám mây mù...

Một lâu một xa...

Cái cảm-giác đó nếu thu nhỏ lại, sẽ thành cảm-giác của mỗi chúng ta trong lúc giao-thừa.

Ngoài trời tối, trong nhà im, chốc nghe tiếng pháo rải rác. Trước còn một, hai, ba, dần lâu ran cả một lượt.

Ta bỗng thấy mình bé tí trước cái hùng-vĩ, to lớn của Thời-giờ. Mà đến non nước, cỏ cây, suốt cả vũ-trụ cũng như đang nín hơi chờ đợi Hóa-công ra phép lạ.

## HOÀI THANH

### II

Cái đêm hôm nay chẳng giống cái đêm nào hết, vì nó là cái đêm cuối cùng mà lại là cái đêm đầu cùng. Trong tiếng lá rụng, trùng kêu, như có vẻ nghiêm-trọng khác thường.

Người ta tưởng như Thê-giới sắp bước vào cái giờ quyết-liệt. Nhưng Thời-giờ thì hình như dửng dăng, ngán ngán, không muốn bước tới nữa...

Hãy bình-tĩnh và lắng tai nghe tiếng ngọn đèn reo ở trên hương-án, tiếng tàn giang rơi ở trong lư đồng. Ta sẽ nhận thấy được cả tiếng gì như tiếng chân đi san sát...

Một ngọn gió lạnh chạy qua tròng khe cửa.

Làn khói xanh nghi-ngút tỏa...

Phải, cái Giờ này là cái giờ mà hai cõi Âm, Dương tiếp-xúc nhau, ta hãy lắng nghe tiếng Thần Minh đến và lặng im cho các Ngài làm việc.

LƯU-TRỌNG-LƯ

## **CHIÊM-THÀNH!**

Chê-bồng-Nga đại bại. Quân Nam-Việt đã sắp tràn đến... Xã-tắc Chiêm-Thành phải rời dần vào phía Nam. Thật là một sự xáo trộn lớn !

Khắp trong xóm Cảo-đa, từ già đến trẻ, từ nghèo đến giàu, từ dân trắng đến chức sắc đều lao-xao, hoảng-hốt, rối-rit cả lên.

Bao nhiêu của-cải tản mác họ đều lượm nhặt lại hết. Chú dân nghèo không muốn bỏ sót đi một cái liềm, cái hái. Lão trọc phú cũng không bỏ mất đi một cái khế ruộng, dầu là điền-thổ của lão, lão biết là không thể mang theo được...

Kẻ thì khuân, người thì chuyên, lại có kẻ khác chất lên xe, trông lúi búi leng beng như một bày kiến trước cơn bão...

Rồi thì tiếng mõ giục liên thanh. Các xe bò bắt đầu xoay bánh... Giắt già, bồng trẻ, người lẫn với heo, gà, xô đạp nhau, chen lấn nhau, rất lòi thoi, thê thảm. Mấy bà cụ già xằng xit cả lên, mấy đứa trẻ nít không hiểu gì cũng khóc bù lu bù loa. Mấy người trai tơ thì không nói không rằng, im lìm làm việc. Về đêm tĩnh của bọn họ

không đủ che lấp những nỗi đau đớn ở trong lòng. Họ là người làm việc, họ chỉ muốn âm thầm mà chịu điều đau đớn.

Trong đám ấy có anh Chế-văn-Tô, người lực lưỡng dũng-mạnh và có khí-tiết siêu-thường. Anh không bao giờ phí một lời nói vô ích. Anh là người đau đớn hơn hết, nhưng mà bình-tĩnh hơn hết. Dọc đường anh chỉ nói vài câu nò đùa để an ủi mọi người.

Đoàn chạy giặc đi đã được một hôm. Mấy bà cụ già đã thấy khuấy khỏa dần, những đứa trẻ nít cũng lại reo hò một cách ngây-thơ. Mà ai ai hình như cũng chẳng còn thấy đau đớn nữa vì thật là một dịp hiếm có cho những mối hiềm-khích hằng ngày, những mối ganh-tị nhỏ nhen đều tiêu tán trong một mối đau-khổ chung. Người ta thấy đông đúc vui vẻ vô cùng.

Bây giờ đã đi đến một đồi núi, người ta định dừng lại đây nghỉ chân: các người đàn bà như không còn sức theo được nữa. Dải mền chiếu ra ai nấy ngã lăn ra ngủ. Sau một đêm, lấy sức khỏe, Chế-văn-Tô lại hăng hái làm việc. Trời chưa tảng sáng mà chàng đã dậy, một mình vào rừng sâu mức nước ở một dòng suối. Chàng sẽ rầu rầu gục xuống một tảng đá, vì chàng vừa nghe có tiếng con nhạn kêu, kêu từng

tiếng một lũng lảng mà thâm trầm! Hai tay ôm lấy mặt, chàng ngồi khóc. Lòng chàng bâng khuâng và bồi hồi, chàng nhớ đến những đồng ruộng xanh, những con cò trắng, những ngày vui vẻ và thái-bình. Chàng nghe có tiếng kêu thảm thiết của chốn quê-hương. Rồi như bị một mãnh lực phi thường sai khiến, chàng đứng phắt dậy, trong lúc mọi người còn yên giấc thì Chê-văn-Tô đã tung mình trên con đường trở về xóm Cảo-Đa. Chàng muốn nhìn lại một lần cuối cùng những cảnh vật thân yêu, những cái kỷ-niệm nồng nàn của thửa ngây-thơ. Đây là sự say mê của một kẻ si-tình phi một ngày đường để nhìn một nụ cười yêu dấu, hoài huỷ trí-lực một cách vô lý nhưng mà thật là đáng thương đáng kính.

Trời sâm-sẫm tối, thì chàng đã đến gốc cây đa ở đầu xóm lá, nơi bắt đầu cuộc ái-ân của chàng. Chàng còn nhớ rõ cái ngày mà chàng đập trâu về làng, chàng thấy một người thiếu-nữ ra gánh nước, người thô-thô nhưng nét mặt đều-dặn dễ thương. Trời đã mờ mờ tối. Chàng cột con trâu lại nơi cây đa rồi lần lần lại đầu giếng, mượn cái gàu của cô bé, chàng rửa cặp giò. Rồi lân la câu chuyện, miếng trầu đưa qua, miếng thuốc giả lại, một buổi chiều đã nên tình tri kỷ. Cái tình thơ ngây mà trong sạch làm sao! Hồi tưởng đến quãng đời đó, chàng tưởng như mình còn đương ở trong cuộc thái bình yên tĩnh, quay lại tưởng

như mình còn có con trâu cọt ở cây đa, nhưng chao ôi! trước mặt chàng bày ra một cái quang-cảnh rất diu hiu lạnh lẽo. Một con quạ đen ở trong bụi tung ra, kêu mấy tiếng oác oa. Chàng thấy từ bờ giếng đến gốc đa như lộ ra một vẻ thương tâm lạnh lùng. Thoạt nghe có tiếng xôn xao âm ỹ dần dần càng rõ ràng. Một đội binh ở đường xa đi lại cò bay phốp phới, tiếng loa dậy trời. Chàng bèn lui lại ẩn vào rừng, leo lên cây cao ngồi nhìn. Chàng nhận thấy những bác lính nón dấu áo nẹp, giáo mác chỉnh tề. Họ đi vào làng đốt phá lung tung, ngọn lửa cháy rực một góc trời, Cái đoàn sâu keo ấy lại từ đồng ruộng này sang đồng ruộng khác, mỗi phen đi qua, để lại một đồng tai hại. Bây giờ Chế-văn-Tô lại mò ra. Cảnh mới thương tâm! Nhà cửa y vườn tược: một đồng tro tàn nguội lạnh.

Không còn ngấm cái cảnh đau lòng ấy được nữa, chàng toan trở lại vào rừng để ngồi chờ bóng mặt trời, thì vừa lọt tai chàng, một tiếng rên-rĩ, như tiếng một người suyễn, chàng đứng lại lắng nghe. Chàng đưa vạt áo lên lau mấy giọt mồ hôi ở trên trán rồi lặng im chàng cố phân biệt cái tiếng rên thần bí. Chàng nhận thấy một tiếng thở dài rõ ràng ở cái bờ ao bên kia đưa lại. Nhắm theo tiếng thở, chàng nhẹ nhàng bước tới. Chàng thấy một cái xác đen nằm ở trong một vũng máu. Chàng sờ tay vào thì thấy thịt da đã lạnh tanh.

Chàng ghé tai vào thì nghe lọt ở chun răng một câu cuối cùng :

« Em là gái Chiêm-Thành ! »

Chiêm-Thành ! Chiêm-Thành ! Chế-văn-Tô cũng lặp lại vài tiếng rồi cũng nằm đờ ra như cái xác chết ! Ngẩng trông lên mấy vì sao xa xuôi mờ mịt thì chàng thấy có cái cảm-giác diu hiu quanh quẽ và ghê sợ vô cùng, tưởng như dưới gầm trời này chỉ có một mình chàng là dòng-giới Chiêm-Thành và một mình chàng trơ trọi, còn chống chỏi với những cơn bão táp cuối cùng.

Một người thiếu-nữ chết, nhưng đó chả phải là sự tuyệt diệt cả những cái hay cái đẹp của một dân-tộc

Một người thiếu-nữ chết nhưng rồn-rập tới trong lòng chàng biết bao là nỗi đau đớn : thương tổ-quốc, thương nòi-giống, thương những người bất-hạnh, thương những kẻ lạc-loài.....

Rồi mê mẩn tâm thần, chàng thấy mình như đi vào một cái cung điện trang hoàng lộng-lẫy. Ở trên một cái giường cao một bậc đại-phu Nam-Việt đương nhi-nhởn với một thiếu-nữ Chiêm-Thành... Người thiếu-nữ đã có cái nhan-sắc : mỹ miều lại có cái giọng hát trong như tiếng hạc... Nàng vừa dâng trà cho đại-phu vừa ngâm một khúc ca Chiêm-Thành, tiếng thánh thót mà náo-nùng !

Lúc bấy giờ có một viên võ-tướng vừa được lệnh đưa quân vào Thuận-Hóa, trước khi lên đường, lại yết kiến đại-phu. Viên võ tướng vừa đến cửa, nghe có tiếng ca, thì lê-mê sững sốt, đứng lại ngoài không muốn vào nữa.

Nhác nghe tiếng ca dừng hẳn, võ tướng nhìn vào, thì thấy người thiếu-nữ sụp quỳ trước mặt đại-phu mà khóc rưng rức..., không nói một lời, nhưng có ý kêu cầu một điều tha thiết; mà đại-phu thì đứng đơng như không, hí-hởn tươi cười chỉ muốn trêu hoa, ghẹo nguyệt... Viên võ tướng nhảy ùm vào, rút gươm, chém đại-phu một lát, ẵm lấy thiếu-nữ, chạy về trại rồi thúc quân đi... Bây giờ thì chàng thấy đứng giữa một đám người đông đúc, đen kịt, voi ngựa nghênh ngang, cò xi lung tùng... Chiêng đồn, trống dục, mác rì, gươm rền, xung lên giữa giờ một tiếng ghê gớm, hỗn-độn. Chàng thấy cả một người đàn-bà dồi từ tay này qua tay khác, người này ẵm một tý, người kia hôn một cái... Rồi cả cái đám người tàn-nhân độc-ác kia biến đâu mất, mà còn trơ trọi lại giữa quăng đồng không, mông quạnh một mình chàng với một cái mạng người hấp hối, ở miệng học ra một vũng máu... Một người thiếu-nữ xanh lét, răng giô, mồm há, cặp mắt rợn lên hai cái tròng trắng, hai mái tóc rối như tơ vò, áo quần hoen máu... Cái hình ảnh gớm guốc ấy lại biến đi mất. Bây giờ chàng thấy

mình lững thững trên một con đường con, ở chốn nước non lạ lùng, có những cây dương liễu xanh mượt, có những cái tháp mạnh mẽ nguy nga, đứng sồ sộ giữa lòng không. Gió chiều ở dưới bậc sông đưa lên vùn vụt... Cảnh, lá, sột soạt, là đà... Bóng trắng vắng vặc... Bỗng ở trên cành cây vút xuống, một thiếu-nữ, một vị tiên-nga, bận toàn màu xanh nhạt, tay cầm một nhánh dương liễu, vừa đu mình, vừa hát một khúc hát Chiêm-Thành... Người thiếu-nữ lanh lẹ nhảy xuống đất, rồi nhẹ nhàng chạy đến gần chàng, tươi cười, hí hớn. Nàng lấy cành dương liễu, khẽ đánh vào vai chàng một cái, rồi nũng nịu :

« Em là cô gái Chiêm-Thành, một cô gái  
 « ngây thơ, trong sạch... Em nhẹ nhàng thích  
 « thảng... Em ngao du chỗ này qua chỗ khác. Em  
 « sung sướng vô ngần ! Em chạy ra đồng, bắt  
 « bướm-bướm, em vào vườn hái hoa . Em đu  
 « ở trên cành cây, em hát nghêu ngao... Đây  
 « anh ! Hôm nọ em cũng du đưa ở trên cành...  
 « Cành gãy, em té xuống đất... Em trầy ở khuỷu  
 « chân, nhưng chỉ trầy ra một chút xiu thôi anh  
 « ạ ! Em lấy lá thuốc dấu, em gọt vào, rồi thấy khỏi  
 « ngay... Lại một bữa khác, em đang giặt áo ở  
 « bên sông, em ngồi ở trên một tảng đá. Thoạt  
 « nghe có con chim chước-mào nó hót ở trên cây,  
 « em ngoảnh cổ lên nhìn, mãi nhìn thê nào, tảng  
 « đá nghiêng, em rớt tùm xuống nước... Em ướt  
 « như con chuột lột, rồi em chạy phoi dưới bóng

« mặt trời .Em chạy theo bướm, theo hoa... Ô kia !  
« Sao trên nét mặt anh có vẻ sầm tối thế ? »

— Tôi là một kẻ đau đời...

Nàng chỉ cười nhỉ nhởn...

— Thôi để em lấy cành dương liễu, em phủ bụi  
ở trên vai áo anh, rồi ta cùng chạy anh nhé !

— Không, tôi là kẻ đau đời, một kẻ bơ-vơ,  
một đứa lạc-loài, một người dân mất nước,  
Chiêm-Thành ! Ôi Chiêm-Thành tổ quốc !

— Em xin tặng anh cành dương liễu này  
rồi để em vin hái một cành khác, anh nhé !

— Ôi ! Chiêm-Thành !

— Kia anh ! mặt trời đã hé ở đằng đông kia  
kia.. Kia anh xem cái đàn bướm trắng kia phe  
phẩy bay liệng ở trên cồn cỏ...anh hãy xem những  
cành lá xanh mướt, rung rinh dưới bóng mặt trời..  
Chạy đi, chúng ta cùng chạy nào...

Vụt một cái, nàng biến mất.

Chàng kêu lên một tiếng và thấy mình đang  
nằm bên một cái xác ma, cái vũng máu đào  
lóng lánh dưới ánh mặt trời. Chàng nhìn trông  
trọc lấy người thiếu-nữ, hai dòng lệ tuôn ra  
không ngớt... Vì chàng nhận thấy ở trong con  
người ấy, một trời đất đã tan-tành... Chàng  
đứng phắt dậy chắt củi lên, dựng cái xác ma dậy  
và nhen lửa lên thiêu... Rồi chàng đi vào núi,  
lững thững, nặng nề.

LƯU-TRỌNG-LU

# NGÂN-SƠN TÙNG-THU

*Đương in quyển thứ hai*



TRÊN NÚI VÔI

*Ngân-Sơn Tùng-Thư* mỗi năm xuất  
bản sáu quyền, giấy tốt, in đẹp.

Mua cả năm thì trả 2\$00  
(có cả tiền cước ở trong)

Ai mua sách *Ngân-Sơn Tùng-Thư*  
từ 3\$00 trở lên xin tính bớt 10%.  
từ 5\$00 trở lên xin tính bớt 20%.

Thư và ngân-phiếu xin gửi về :

M. NGUYỄN-ĐỨC-NGUYỄN  
Đắc-Lập — HUẾ

NGÂN-SƠN TÙNG-THU

*Quyền đặc-biệt về Tết*

Xuất bản ngày 1er Février 1934

Giá : 0\$ 25